CONFIGURE TOOLING: Công cụ cấu hình

Git config - -global user.name “username”: Cấu hình username

Git config --global user.email ”[youremail@email.com](mailto:youremail@email.com)”: Cấu hình email

Git config --global color.ui auto: Bật chức năng hỗ trợ màu sắc cho output\

CREATE REPOSITORIES: Tạo các kho chứa

Git init: Tạo repo ở máy local

Git clone [url]: Tải repo về máy

MAKE CHANGES:

Git status: Xuất tất cả dữ liệu mới hoặc đã chỉnh sửa có thể commit

Git diff: Coi sự thay đổi

Git add [file]: ------------------------------

Git diff –staged:

Git reset [file]: Reset giữ lại nội dung -------------

Git commit -m “[descriptive message]” : Đặt tên cho version

GROUP CHANGES

Git branch: Danh sách nhánh

Git branch name [branch-name]: Tạo nhánh name

Git checkout name [branch-name]: Chuyển nhánh name

Git merge [branch]: Gộp 2 nhánh

Git branch –d [branch-name]: Xóa nhánh

REFACTOR FILENAMES

Git rm [file]: Xóa file

Git rm --cached [file]: ----------------------------

Gt mv [file-original][file-renamed]: -----------------

SUPPRESS TRACKING

\*.log build/ temp-\*: --------

Git ls-files --other --ignored --exclude-standard: -----------

SAVE FRAGMENTS

Git stash: Cất giữ các thay đổi sau khi add

Git stash pop: Lấy các các thay đổi đã stash ra

Git stash list: Hiện danh sách đã stash

Git stash drop: Xóa các các thay đổi đã stash

REVIEW HISTORY

Git log: Xem danh sách các commit

Git log --follow [file]:

Git diff [first-branch]..[second-branch]:

Git show [commit]:

REDO COMMITS

Git reset [commit]:

Git reset --hard [commit]:

SYNCHRONIZE CHANGES: Đồng bộ sự thay đổi

Git fetch [bookmark]:

Git merg [bookmark]/[branch]:

Git push [alias] [branch]:

Git pull: Tải về các thay đổi